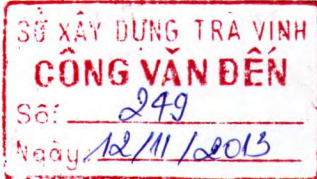


Số: 40/2013/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 08 tháng 11 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật (sau đây viết tắt là Nghị định số 72/2012/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về cấp phép xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 131/TTr-SXD ngày 23 tháng 9 năm 2013 về việc ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Báo cáo số 1142/BC-STP ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Công thương, Giao thông Vận tải,

Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị trực tiếp quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./..#

**Nơi nhận:**

- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Chánh VP, PCVP. UBND tỉnh;
- Lê Hữu Nghị;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Phòng NC KTTH;
- Lưu: VT, KTKT. *20 bản*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Phong**



**QUY ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định Quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 40 /2013/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị và khuyến khích áp dụng đối với khu vực ngoài đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Các tổ chức, cá nhân có tham gia hoạt động liên quan đến quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh phải tuân thủ Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Điều 2. Nguyên tắc quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật**

Việc quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật phải thực hiện theo nguyên tắc:

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được xác định trong quy hoạch; được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất; tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm cảnh quan và môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống lắp đặt mới có trách nhiệm bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng.

4. Việc lắp đặt, bố trí các đường dây, cáp và đường ống mới vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng phải có các giải pháp bảo đảm sự hoạt động bình thường của hệ thống đã có.

5. Các loại đường dây, cáp và đường ống bố trí, lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải có dấu hiệu nhận biết về thông tin cơ bản được thể hiện thống nhất bằng các ký hiệu, màu sắc theo quy định của pháp luật.

6. Việc quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các quy định về kỹ thuật; đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị và được thực hiện thông qua hợp đồng theo quy định hiện hành.



### **Điều 3. Quy chuẩn, tiêu chuẩn và dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Các tổ chức và cá nhân khi tham gia hoạt động có liên quan đến quy hoạch, thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tuân thủ theo quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình. Trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cho phép áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài. Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

2. Dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được quy định tại Điều 11 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

### **Điều 4. Các hành vi bị cấm**

1. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không tuân thủ quy hoạch đô thị; không đúng giấy phép xây dựng hoặc không có giấy phép xây dựng theo quy định; xây dựng trong khu vực cấm, các vùng có nguy cơ cao về tai biến địa chất công trình ảnh hưởng đến độ an toàn của các công trình khác.

2. Lắp đặt đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không theo quy định.

3. Cản trở việc tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của Quy định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Vi phạm về quy định quản lý, khai thác sử dụng, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

5. Các hành vi khác vi phạm các quy định của pháp luật về xây dựng.

## **Chương II**

### **QUY HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG**

#### **Điều 5. Quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là một nội dung của đồ án quy hoạch đô thị. Nội dung quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong đồ án quy hoạch đô thị phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị.

2. Quy hoạch đô thị phải xác định công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (hướng tuyến, vị trí và quy mô) để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quản lý đầu tư xây dựng.

3. Quy hoạch chung đô thị phải xác định hướng tuyến và quy mô các công trình cống cáp, hào và tuyến kỹ thuật trên các đường trục chính đô thị.

4. Quy hoạch phân khu phải xác định vị trí, số lượng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung từ đường chính khu vực trở lên và được thể hiện trên mặt cắt ngang điển hình.



5. Quy hoạch chi tiết phải xác định vị trí, số lượng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung từ cấp đường nội bộ trở lên và được thể hiện trên mặt cắt ngang điển hình.

6. Trong các quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này phải xác định số lượng, loại đường dây, cáp và đường ống tham gia lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

7. Đối với đô thị hiện hữu, trên cơ sở khảo sát đánh giá công trình hạ tầng kỹ thuật hiện có, đề xuất giải pháp cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới nhằm bảo đảm tính kế thừa, đáp ứng nhu cầu sử dụng chung trong khu vực quy hoạch.

8. Đối với các đô thị đã có quy hoạch đô thị được duyệt nhưng chưa có các nội dung được quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này phải bổ sung ngay khi điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp có nhu cầu đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nhưng nội dung này chưa được xác định trong đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt thì khi đầu tư xây dựng phải có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng.

9. Trình tự, thủ tục thỏa thuận vị trí, hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung:

a) Sở Xây dựng thỏa thuận vị trí, hướng tuyến các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung chưa được xác định trong quy hoạch đô thị được duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã được xác định trong quy hoạch đô thị được phê duyệt.

c) Cá nhân, tổ chức có yêu cầu đề nghị thỏa thuận vị trí, hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trực tiếp nộp 01 (một) bộ hồ sơ tại Sở Xây dựng.

10. Hồ sơ đề nghị thỏa thuận vị trí, hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, gồm:

- Đơn đề nghị thỏa thuận vị trí, hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung của Chủ đầu tư (bản chính); (**Mẫu theo Phụ lục số 01**);
- Giấy tờ về cho phép đầu tư xây dựng công trình (bản sao);
- Bản vẽ thiết kế thể hiện vị trí, mặt bằng, hướng tuyến, mặt cắt, công trình tỷ lệ 1/500 (bản chính).

11. Cơ quan giải quyết hồ sơ thỏa thuận vị trí, hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm: Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giao giấy biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Thời gian thỏa thuận vị trí, hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung tối đa không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không giải quyết được phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thỏa thuận được biết. Văn bản thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền (**Mẫu theo Phụ lục số 02**);

## **Điều 6. Yêu cầu về khảo sát xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thông số kỹ thuật về các công trình ngầm và trên mặt đất hiện có, các điều kiện địa chất công trình, địa chất thủy văn của khu vực xây dựng để làm cơ sở xác định phạm vi, độ sâu công trình, lựa



chọn công nghệ thi công thích hợp nhằm bảo đảm an toàn cho người, công trình và các công trình lân cận.

2. Dự báo các bất thường về điều kiện địa chất công trình, địa chất thủy văn để có biện pháp xử lý thích hợp phục vụ công tác thiết kế thi công xây dựng công trình ngầm.

3. Bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về khảo sát được quy định trong các Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật cho mỗi loại công trình.

4. Bảo đảm vệ sinh môi trường và phải hoàn trả mặt bằng sau khi hoàn thành nhiệm vụ khảo sát.

### **Điều 7. Yêu cầu về thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành đối với từng loại công trình.

2. Phù hợp với điều kiện địa chất công trình, địa chất thủy văn và những biến động của chúng có thể xảy ra.

3. Phải đồng bộ và kết nối phù hợp với quần thể kiến trúc của các công trình liền kề, trên mặt đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của đô thị; bảo đảm an toàn, không làm ảnh hưởng đến các công trình xây dựng lân cận, bên trên; kết hợp với yêu cầu bảo đảm an ninh, quốc phòng khi cần thiết; đồng thời, có giải pháp bảo tồn cây xanh, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa tại khu vực xây dựng (nếu có).

4. Đảm bảo các yêu cầu về chống thấm, chống ăn mòn và xâm thực.

5. Phải có quy trình vận hành sử dụng và quy định bảo trì công trình, nội dung nhiệm vụ của công tác quan trắc địa kỹ thuật; bảo đảm việc sử dụng thuận lợi cho người khuyết tật.

6. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình ngầm phải có các chỉ dẫn, tạo điều kiện thi công theo đúng bản vẽ thiết kế; đồng thời thực hiện công tác giám sát tác giả trong suốt quá trình thi công để xử lý các khác biệt giữa thực tế thi công và đồ án thiết kế.

### **Điều 8. Yêu cầu về giấy phép xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công trình bí mật nhà nước, công trình theo lệnh khẩn cấp và các công trình khác theo quy định của Chính phủ được miễn giấy phép xây dựng;

b) Công trình chỉ yêu cầu phải lập báo cáo kinh tế kỹ thuật tại vùng sâu; vùng xa thuộc khu vực chưa có quy hoạch điểm dân cư nông thôn (quy hoạch xã nông thôn mới) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng và Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.



## **Điều 9. Yêu cầu về thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Trước khi thi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải thông báo việc khởi công xây dựng công trình đến cơ quan cấp phép xây dựng; ngoài ra đối với công trình đường dây, đường ống ngầm, hào và cống bể kỹ thuật phải thông báo khởi công đến Ủy ban nhân dân phường, thị trấn tại khu vực có công trình xây dựng ngầm để phối hợp kiểm tra, giám sát quá trình thi công.

2. Các nhà thầu xây dựng phải tiến hành thăm dò, xác định hiện trạng các công trình ngầm hiện có trong khu vực xây dựng để có biện pháp xử lý phù hợp, lập biện pháp tổ chức thi công xây dựng công trình.

3. Quá trình thi công xây dựng công trình phải bảo đảm an toàn, hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đô thị, các công trình lân cận và bên trên; có các biện pháp nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, đặc biệt là ô nhiễm nước ngầm và môi trường địa chất đô thị. Đối với những công việc thi công mà phải đào đường và vỉa hè thì chủ đầu tư dự án và nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả mặt đường, vỉa hè như hiện trạng ban đầu.

4. Thi công xây dựng công trình phải có kế hoạch khắc phục các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thi công như: Gặp tầng đất yếu, tầng chứa nước, khí độc, cháy nổ, sạt lở, ... nhằm bảo đảm an toàn cho người, phương tiện thi công và cho công trình. Đồng thời, phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, trình tự công việc và có chế độ kiểm tra thường xuyên điều kiện bảo đảm an toàn khi thi công, kiểm soát chặt chẽ người ra, vào công trình trong suốt quá trình thi công. Khi gặp các sự cố bất thường nhà thầu xây dựng phải có trách nhiệm thông báo cho chủ đầu tư và các bên liên quan để có biện pháp xử lý phù hợp.

5. Công trường xây dựng công trình phải có rào chắn, biển báo theo quy định đối với công trình xây dựng.

6. Lực lượng tham gia thi công xây dựng công trình phải được huấn luyện kỹ thuật và được trang bị bảo hộ an toàn lao động phù hợp với điều kiện thi công của từng loại công trình.

## **Điều 10. Sự cố trong thi công xây dựng và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật**

Phân loại, phân cấp sự cố, báo cáo, giải quyết, tổ chức giám định nguyên nhân và lập hồ sơ sự cố trong thi công xây dựng và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo quy định tại các Điều: 36, 37, 38, 39, 40 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

## **Điều 11. Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Đối với đô thị mới và khu đô thị mới: Chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư xây dựng đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các đô thị hiện hữu: Ở các đô thị, khu đô thị, trung tâm dịch vụ, thương mại và công trình giao thông đã có các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cho việc sử dụng chung, các tổ chức, cá nhân không được xây dựng hệ thống đường dây, cáp và đường ống mà phải phối hợp sử dụng chung cơ sở hạ



tầng với các công trình hạ tầng kỹ thuật sẵn có. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải có kế hoạch từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

3. Đối với các khu vực khác, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nhằm đảm bảo kết nối, khả năng khai thác, sử dụng thuận lợi và an toàn.

4. Nhà nước khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo các hình thức đầu tư phù hợp.

### **Điều 12. Bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải được bảo trì theo quy định của Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình và các quy định khác có liên quan.

2. Công trình hào và tuy nèn kỹ thuật phải thực hiện chế độ bảo trì thường xuyên và định kỳ; công trình đường dây, đường cáp, đường ống và công trình cầu, hầm, đường đô thị phải thực hiện chế độ bảo trì định kỳ.

3. Khi thực hiện công tác bảo trì phải chú ý kiểm tra nghiêm ngặt hệ thống đấu nối công trình, phải đảm bảo các quy định về phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

## **Chương III**

### **QUẢN LÝ SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

#### **Điều 13. Chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bao gồm:

a) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách tỉnh;

b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi hết thời hạn quản lý khai thác theo quy định.

2. Các tổ chức được giao quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho đến khi bàn giao cho địa phương theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng đô thị mới, khu đô thị mới là chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đến khi bàn giao theo quy định.

4. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao theo quy định.

#### **Điều 14. Sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật**

Sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo các Điều 12, Điều 13, Điều 14 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

**Điều 15. Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**



1. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, việc lựa chọn đơn vị quản lý vận hành tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trực tiếp quản lý vận hành hoặc thuê đơn vị quản lý vận hành thông qua hợp đồng quản lý vận hành được quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

#### **Điều 16. Hợp đồng quản lý vận hành và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật**

1. Việc quản lý vận hành các công trình sau đây được thực hiện thông qua hợp đồng quản lý vận hành được ký kết giữa chủ sở hữu với đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung: *Cột ăng ten, cột treo cáp (dây dẫn), cống cáp, hào và tuy nèn kỹ thuật.*

2. Việc sử dụng chung các công trình sau đây được thực hiện thông qua hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được ký kết giữa chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành được chủ sở hữu ủy quyền với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng: *Cột ăng ten, cột treo cáp (dây dẫn), cống cáp, hào và tuy nèn kỹ thuật, cống ngầm và cầu đường bộ.*

3. Hợp đồng quản lý vận hành và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo Thông tư số 03/2013/TT-BXD.

#### **Điều 17. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

Nguyên tắc xác định giá và quản lý giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được quy định tại Điều 18 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

### **Chương IV**

## **TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

#### **Điều 18. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành**

##### **1. Sở Xây dựng**

a) Thực hiện quản lý nhà nước đối với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh, báo cáo tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

c) Hướng dẫn, kiểm tra và xử lý vi phạm quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập kế hoạch xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung tại các đô thị trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.



e) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

## **2. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành bưu chính viễn thông của các đơn vị thi công, xây dựng hệ thống công trình đường dây, đường cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp,... thực hiện đúng các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

## **3. Sở Công thương**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành điện lực của các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống các công trình đường dây tải điện trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Công ty Điện lực Trà Vinh tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp tham gia sử dụng chung cột điện lực để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông.

## **4. Sở Giao thông Vận tải**

a) Cung cấp thông tin và các tài liệu có liên quan đến lộ giới, hiện trạng các tuyến đường được giao quản lý cho cơ quan cấp phép, làm căn cứ cho việc cấp phép xây dựng và thỏa thuận hướng tuyến các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung dọc các tuyến đường này.

b) Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các tuyến đường phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung dọc tuyến biết, phối hợp di dời.

c) Xem xét thỏa thuận và cấp phép thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định.

**5. Sở Tài chính:** Hướng dẫn cơ chế thu, chi tài chính và các điều khoản của hợp đồng giữa đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với các tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

## **6. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, Ban, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch phân bổ vốn để xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.\*/



b) Đề xuất những ưu đãi đầu tư cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

**7. Ban Quản lý Khu kinh tế:** Thực hiện thỏa thuận đầu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, khu kinh tế do mình quản lý, với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung ngoài hàng rào theo quy định.

**Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

1. Lập kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn quản lý để xây dựng cơ sở dữ liệu báo cáo Sở Xây dựng; đồng thời rà soát, bổ sung cập nhật dữ liệu theo quy định.

2. Quản lý cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn, cung cấp dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho các tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

4. Tổ chức lưu trữ hồ sơ cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

**Điều 20. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu**

1. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu được quy định tại Điều 19 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

2. Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, chủ sở hữu còn có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

b) Thực hiện bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo chỉ dẫn và quy định của nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung ứng vật tư, thiết bị công nghệ, thiết bị công trình và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng bị xuống cấp, do không thực hiện quy trình bảo trì công trình theo quy định.

d) Báo cáo định kỳ về công tác bảo trì và tình hình hoạt động của công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp.

**Điều 21. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị quản lý vận hành:**

Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được quy định tại Điều 20 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

**Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung:**

Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được quy định tại Điều 21 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.



## Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### **Điều 23. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố hướng dẫn, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Các nội dung khác về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật không có trong Quy định này được thực hiện theo các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định././

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phong



**Phụ lục số 01**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN THỎA THUẬN VỊ TRÍ, HƯỚNG TUYẾN**  
 (Sử dụng cho công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung)

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh

- 1. Tên chủ đầu tư:**.....
- Người đại diện: ..... Chức vụ:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Tỉnh, thành phố:.....
- Số điện thoại:.....
- 2. Tên công trình:**.....
- thuộc dự án:.....
- 3. Địa điểm xây dựng:** .....
- Vị trí xây dựng: .....
- Phường (xã).....huyện .....tỉnh Trà Vinh .
- + Điểm đầu công trình: .....
- + Điểm cuối công trình: .....
- 4. Nội dung thỏa thuận:**
- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....
- Quy mô công trình: .....
- Tổng chiều dài công trình: .....m.
- Chiều rộng công trình (dự kiến): Từ:..... m, đến: .....m.
- Chiều sâu công trình (dự kiến): Từ:..... m, đến: .....m.
- Các vị trí đầu nối công trình:.....
- Khoảng cách tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật gần nhất:
- .....

(Có bản đồ mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500 thể hiện các nội dung quy định tại Điều 5 kèm theo).

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước./.

....., ngày.....tháng..... năm.....

**CHỦ ĐẦU TƯ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)



**Phụ lục số 02****UBND TỈNH TRÀ VINH  
SỞ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /

....., ngày... ..tháng..... năm 20...

**THỎA THUẬN VỊ TRÍ, HƯỚNG TUYẾN**

Công trình: .....

Căn cứ .....và Đơn xin thỏa thuận vị trí, hướng tuyến: .....

**1. Cấp cho:** .....

Địa chỉ: .....

**2. Nội dung thỏa thuận:**

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Quy mô công trình: .....

- Tổng chiều dài công trình: .....m.

- Chiều rộng công trình (dự kiến): Từ:..... m, đến: .....m.

- Chiều sâu công trình (dự kiến): Từ:..... m, đến: .....m.

- Các vị trí đầu nối công trình (nếu có):.....

- Khoảng cách tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật gần nhất:...

.....(Có bản vẽ kèm theo)

**3. Lưu ý:**

- Văn bản thỏa thuận này làm căn cứ để lập thiết kế xây dựng công trình, không thay thế Giấy phép xây dựng.

- Văn bản này có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký, quá thời hạn phải đề nghị thỏa thuận lại.

- Thiết kế xây dựng công trình phải có giải pháp phù hợp, tuân thủ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành, về kết cấu tái lập mặt đường phải đảm bảo kỹ thuật và mỹ quan đô thị

- Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: VT, .....

**GIÁM ĐỐC**